

# KINH KIM QUANG MINH VĂN CÚ KÝ

## *QUYỂN 1* (Phần cuối)

Tiếp là “Từ đó v.v...” trở xuống là nói về lời Tựa, cũng gọi là Tựa riêng, có hai:

Một là nêu hai tên gọi: Tuy tên gọi khác nhau nhưng vẫn có dài ngắn. Thuật ngang với Phẩm Tựa riêng hết phần đầu. Vì có lời tựa riêng với các kinh nên đặt tên khác là Kim Quang Minh. Vì vậy, chúng ta biết lời tựa này là căn bản của tên khác.

Hai là “Nghĩa khác v.v...” trở xuống là giải thích về hai lời tựa, có hai:

Một là chỉ chung văn tướng của hai lời tựa như sau:

- Tướng riêng, có hai:

- Là nói về bảy hình thái khác, có hai:

Một là khai thị về bảy văn kinh.

Hai là “Sinh khởi v.v...” trở xuống là nói về bảy thứ lớp. “Một là Nhập định”: Đại giác đốn viên chiếu nhưng thường vắng lặng. Nay, sở dĩ Như Lai nhập định là vì muốn chỉ bày phương cách khiến cho người tu ưa thích đối với Định. “kế là trình bày”. Đã nhập vào định cao siêu, thấy pháp tôn quý thì lập tức ở trong định này mà trình bày về vua kinh. Ý nói nêu ra sự trình bày”: Thật sự chưa chỉ bày về tướng trạng của việc xuất định. Bởi vắng lặng không ngăn ngại đối với sự chiếu soi nên nói là “Ra”. Đức Phật không xuất định mà nói kinh này. Ý ngài muốn trình bày rằng trong vắng lặng có chiếu soi. “Tiếp theo hoài nghi” “Đã nói về Pháp Đức Phật đã chứng, Tín Tướng liền nghi rằng vì sao Người và Thọ sao không gọi là Pháp. Còn văn nói về thụy Ứng v.v... thì người học sẽ biết.

Kế là có khi v.v... trở xuống là nói về ba thứ khác. Đại sư có lúc tạo ra sự phân biệt này. Đại sư Chương An chép thường cùng bảy loại khác ở trước, vì có sự khác nhau giữa triển khai và quy nạp.

Tiếp là “trình bày v.v...” trở xuống là nói về tướng, có hai:

Một chính là trình bày. “Trình bày về sự hoại nghi”. Suy nghĩ về nghĩa sâu xa thì sẽ hợp với điều nghi để đối với pháp sở chứng thường chứng thọ ngắn. “Nói về sự dứt nghi”: Mục đích Đức Phật che chở là vì khiến cho người nghe dứt nghi sinh Tín. “Nói về phẩm sám hối”. Vì mục đích chính là phá ác, phụ dứt phá ác. “Nói về phẩm không”: Phẩm này dẫn dắt cho sự thành tựu về sinh thiện, dứt ác. Vì văn này chỉ nói về sự diệt trừ ba thứ chướng. Trời Đại phạm và Đế Thích là Tán-chi chủ. Khẩn-na-la v.v... là bộ đi theo của trời Tán-chi. Kinh nêu chủ đề nói về phẩm này. “Nói về việc chính là nói về sự nhóm họp điều lành? Chính thức nói về trị quốc, tu tập điều lành và nghe kinh. Tất cả những việc ấy đều lưu xuất từ Bí tạng. Vì vậy, Tiên sư dùng Bí mật để nói về hai phẩm. “Nói về Thọ Ký” “Vì những người kia nhờ nghe kinh mà tâm được trong sạch vắng lặng như hư không nên được thọ ký riêng. Nay nói “Vì thân và ý không dơ bẩn” là “nói về phẩm Xả Thân”: Nhờ ân Thái tử mà được giải thoát. Vì nói rõ rằng chẳng phải dùng món ăn tà vạy để nuôi mạng. Nay, Tiên sư nói về một câu chánh mạng. “Nói về phẩm Tán Phật”: Tuy Bồ-tát ba lần dùng kệ để khen ngợi Phật, nhưng phần nhiều các vị Bồ-tát này là Phật xưa. Như vậy, dẫu các Bồ-tát ấy có thực hành đi nữa cũng là Phật tương lai. Vì vậy, Đức Phật hiện đời khen ngợi người tu hành cũng là Đức Phật tương lai, do đó mà Tiên sư nói về phẩm này. Phảng phất tức là đáng vẻ không rõ ràng. Vi, âm là Vỹ, tức là Xa. Như nói rằng không được rõ ràng khi đọc.

Hai là “Hỏi v.v...” trở xuống là chỉ bày luôn về người trình bày, có hai:

Một là hỏi về khởi.

Hai là đáp về chỉ bày, có hai:

Một là trình bày người xưa bác bỏ vì sai lầm: Bản xưa có hai Sư. Vị thứ nhất nói về A-nan, bác bỏ rằng: v.v... Là luận chứ chẳng phải kinh”: Vì lời Phật nói gọi là kinh. Những gì do đệ tử Phật ở cả ba thừa soạn ra đều gọi là Luận. Kinh nói: “Nay, ta nên nói về Pháp sám hối v.v...” Như vậy, lẽ nào Pháp sám hối lại do A-nan nói? Lẽ nào chẳng phải là văn sai? Trống vàng trong mộng là Pháp thân Phật. vì lấy trí mà gõ vào nên nó liền tùy căn cơ mà giảng nói về pháp sám hối. Chúng ta nên biết rằng trống vàng là chân ngã của Phật. Vì vậy, trống nói là “Ta nói”. Vị thứ hai nói: Tín Tướng bác bỏ rằng: Nếu là nguồn tự của Tín Tướng thì khởi đầu và cuối cùng không nên nghi. “Huyền tự”: Huyền đồng với Huyền có bộ tâm ở dưới.

Hai là “Lại nữa v.v...” trở xuống là chỉ bày về câu hỏi, có hai:

Một là ý của thầy chỉ bày.

Hai là “câu hỏi v.v...” trở xuống là nạn vấn khởi, trả lời chung, có hai:

Một là so sánh nhân với quả: Không chỉ chủ thể dạy bảo là Phật làm ra Tựa mà còn nói rõ Định của Như Lai chẳng ngại với việc giảng nói. Lấy văn của Pháp Hoa để suy nghiệm vấn đề Đức Phật trình bày ở trong định. Lẽ nào lại dùng ngàn, muôn ức bị hạn cục ở trong Chánh Tông để so sánh với miệng của Đức Phật thuộc về quả bí mật Ứng phó với cơ ư? Lẽ nào chỉ nói về Chính chứ không tạo ra cái chung của Tựa hay sao? Vì vậy, Tiên sư kết rằng “Chỗ nào mà không làm?”

Hai là “Văn v.v...” trở xuống là dẫn văn để chứng kết, có hai:

Một là dẫn văn để làm chứng.

Hai là “Đại v.v...” trở xuống là dẫn Đại phẩm làm thông lệ. Trong phần Tự của kinh ấy nói về việc Đức Phật đưa tướng lưỡi rộng dài ra để phát ánh sáng; mỗi tia sáng này hóa thành những cánh hoa quý, trên mỗi cánh hoa đều có Hóa Phật nói về sáu Ba-la-mật. Kinh Đại Phẩm đã gọi là Tựa thì lẽ nào ở đây lại gọi là Chính kinh? Hai là “Chú thích đi vào v.v...” trở xuống là chính thật theo Tự riêng để nêu giải văn như sau:

Riêng thuộc nhập định, có hai:

Một là nêu khoa: Muốn nói về nghĩa của người thuộc chủ thể đi và pháp thuộc đối tượng được đi đều rõ ràng. Vì vậy, Tiên sư xếp chữ “Đi” vào khoa đầu tiên. Chúng ta nên nhớ rằng giải thích nghĩa không cùng loại với việc đọc văn.

Hai là “Là v.v...” trở xuống là giải thích tùy theo như sau:

- Người thuộc chủ thể đi. Gồm ba.

- Giải thích về “Lúc ấy”, có hai:

Một là xưa giải thích.

Hai là “Nay v.v...” trở xuống là người thời nay giải thích, không dùng năm loại ba thời của người xưa mà chỉ nói về thời thuộc sự kiện Đức Phật quán sát cơ đặc đạo. Lại nữa, đặc đạo vẫn còn thuộc về chung. Phát theo quy ước của lúc ba loại trí âm thầm hợp với ba đế mới nói biết tướng của Như Lai quán sát căn cơ. “Phật muốn v.v...” là Hóa nghi chứ chẳng phải nói rằng do sự quán chiếu ngày nay mới biết.

Kế là chú thích về Như Lai, có hai:

Một là nói khái lược.

Hai là “ba tạng v.v...” trở xuống là giải thích, có hai:

Một là chỉ cho sự giải thích rộng của vị khác.

Hai là “Nay nói v.v...” trở xuống là nay giải thích theo điều quan trọng như sau:

- Theo quy ước của Bi và Trí để chú thích, có hai:

Một là theo quy ước của nghĩa để giải thích: Mỗi thân trong số ba thân của văn cú pháp khoa đều có nghĩa của Như, nghĩa của Lai. Nay dùng tướng của Pháp thân và Báo thân để giải thích Như, lấy sự ra đời của Ứng thân để giải thích Lai; mục đích là giúp cho nghĩa được thành, chung và riêng không còn. Nếu Phật là Thuận thế gian thì Ứng và Như là Bí tạng; chỉ vì thuận với Bi mà ngài đến ba cõi.

Hai là “Thành v.v...” trở xuống là Tiên sư dẫn luận để chứng minh. Chủ thể nương là Trí. Đạo Như thật là Lý. Đến thành tức là sự thùy Ứng của Từ bi.

Kế là “Đại v.v...” trở xuống là theo quy ước của Trí để giải thích Hạnh. Tuy chỉ nói về nhưng đã có đủ cả nghĩa của Như, vì y theo Phước trí để trang nghiêm Pháp thân. Đối tượng được trang nghiêm là Như. Đó là sự giải thích về danh từ Như Lai trong phẩm Phạm Hạnh của Đại Kinh.

Tiếp là “Giải thích về Luận v.v...” trở xuống là theo nói để làm chứng cho sự giải thích, có hai:

Một là Dẫn luận.

Hai là “Nay nói rõ v.v...” trở xuống là sự giải thích hoàn thành. Pháp vốn có là tướng chung trong Chân, Tục. Trí xứng với giải tức là Pháp và Báo vô cùng cao sâu, cho nên nói là Như. Xứng với Như này mà nói là Ứng thân che chở cho cơ. Vì vậy gọi là Đến (Lai). Trước y theo của Bi và Trí nên nghĩa của nó vẫn là chung. Nay nói về giải thích và nói pháp tướng của ba để để giải thích Như Lai, nên nghĩa hoàn toàn trọn vẹn. Pháp tướng của ba để tức là ba thứ Pháp thân. Đó là sự tròn đầy của Pháp thân. Xứng với đó mà giải thích tức là ba thứ Bát-nhã. Ý đó là sự tròn đầy của báo thân. Xứng với đó mà giải thích và nói tức là giải thoát. Đó là sự tròn đầy của Ứng thân. So nay với trước thì có sự khác nhau.

Kế là “Đi là v.v...” trở xuống là giải thích chữ Đi, tức là Như Lai dùng trí rất ráo để đi vào Pháp tánh. Pháp tánh là cái được chứng. Quả trí thuộc về chủ thể chứng. Đứng về nghĩa thì lập chủ thể chứng và Đối tượng chứng nhưng thể thì không cùng đến. Vì rất ráo của trí giác giống như Bản giác, chỉ có Chân như là một mình. Vì thế, nếu như vậy thì ai là người năng nhập, lại là sở nhập? Trụ và Xuất cũng đều như vậy. Dẫn ý của Tiểu Bát-nhã cũng như thế. “Nay nói về đi”: Vì dẫn chúng sinh

học Phật đi vào Lý nên chỉ bày về tướng nhập. Vì khiến cho chúng sinh xứng với Lý mà trụ nên chỉ bày về tướng Trụ. Cam lộ là thuốc bất tử, dụ cho Lý thường. Vì chúng sinh mà nói về loại Cam lộ ấy nên lẽ ra cũng nên nói là Xuất. Không xuất mà xuất, xuất ra sự trình bày về Vua Kinh. Pháp Hoa từ đất vọt lên các vị Đại Bồ-tát đối với trăm ngàn Tam-muội trong Pháp tánh sâu xa không vào mà vào nên gọi là khéo vào. Trụ và Xuất cũng giống như vậy. Bồ-tát còn như vậy, tất nhiên chúng ta sẽ biết về Phật.

Kế là “Vô lượng v.v...” trở xuống là nói về pháp đi như sau:

- Nói rõ về pháp tánh sâu rộng, có hai:

- Y cứ trực tiếp vào văn để giải thích, có hai:

Một là giải thích vô lượng sâu xa. Để nói về chỗ đi vào trước phải giản lược, làm sáng tỏ tính chất cao rộng của thể nên liền dùng pháp giới để nói lên sự rộng lớn của thể. Pháp Trung đạo không cõi là cõi. Vì cõi ấy không ngoài nên gọi là Vô lượng. Lại dùng ba đế để làm sáng tỏ tính cao siêu. Tuy hai đế Chân và Tục đều rất ráo nhưng có cả Nhị thừa và Bồ-tát nghiêng lệch chứng được ít phần. Nếu là Trung đế mà không có thật trí của Viên thì không thể nào chứng nhập. Nay nói rõ về thể của ba đế không có hơn kém thì đó là kho tàng của ba đức bí mật. Tức là cội gốc của pháp tánh. Vì vậy, Tiên sư nói là “đến thấu suốt mới xứng với lời khen ngợi là văn kinh sâu xa”. Sâu là nghĩa của Cao. Chúng ta nên biết rằng Pháp giới và ba đế của viên là hoàn toàn giống nhau. Nay dùng hai tên làm sáng tỏ về vô lượng sâu xa khiến cho người học dễ nhận thấy. Làm sáng tỏ rồi, kế là giản lược. Nếu y theo Nhị thừa thì dùng Viên để dứt trừ Thiên. Nếu y theo Bồ-tát thì dùng sâu để dứt trừ cạn. Bởi vì, từ Phật trở xuống đều là hạ địa. Thánh thuộc viên mà còn dứt trừ hướng chi là ở ba thứ giáo ư? Hai là “Pháp v.v...” trở xuống là giải thích hai chữ Pháp tánh. Trên kia nói về sự cao rộng là đức của Thể. Nay nói về Pháp tánh tức là Thể của đức. Giải thích ý nghĩa hai chữ làm sáng tỏ thể của cao và rộng. Nói là pháp: nghĩa là khuôn phép. Chư Phật đi theo Pháp nên thành tựu muôn đức. Vì vậy kinh Niết-bàn nói: “Cái mà chư Phật tôn làm thầy là Pháp”. Nhưng, đối với Pháp tánh này thì có ai trong cả ba thừa, sáu đường không nương theo để thành lập? Vì Pháp tánh có dụng thuộc về Vô sự. Tuy nương theo nhưng trái nên trở thành ba thứ chướng. Tất cả bảy chúng đều thờ Đức Phật nhưng vì có thuận, nghịch nên chia ra trói buộc và giải thoát. Nay dùng sự rất thuận theo để làm sáng tỏ cái được làm thầy. Vì vậy, Tiên sư nói “Cái mà chư Phật nói theo gọi là Pháp”. “Cái gọi là tánh” là không thay đổi.

Ý nói rằng vì thể của bốn đức không thay đổi. Chúng ta nên biết rằng bốn đức ấy có mặt khắp tất cả các pháp, dưới đến nhân quả, y chánh của địa ngục, cũng đều là Thường, Lạc, Ngã Tịnh. Đó là “Tướng thế gian thường như vậy”.

Hai là chẳng phải vậy v.v...” trở xuống là lại dùng nghĩa để giải thích, có hai:

Một là dùng cái được chiếu soi bởi thật trí để giải thích: “Tận trí” là đã dứt trừ hết hoặc. “Vô sinh trí”. Là hoặc không sinh lại nữa. Vì vậy, Câu-xá chú thích về hai thứ trí ấy rằng: “Nói rằng vị Vô học là: Nếu chính mình tự biết khổ, đoạn Tập, chứng Diệt và Tu đạo thì gọi là Tận trí. Nếu chính mình tự biết rằng ta biết khổ không sinh lại. Ba loại sau nói theo thông lệ gọi là Vô sinh trí”. Luận Du-già cho sự hết hoặc là Tận Trí, quả báo đời sau bất sinh gọi là Vô sinh trí. Nhưng, cả hai thứ trí đó đều chiếu soi Thiên không. Phân biệt với Nhị thừa tức là ý bao gồm cả Bồ-tát cho đến Đẳng giác. Vì pháp tánh của Nhị thừa chẳng phải Trung đạo cho nên cạn, vì không có các sắc và tâm nên có giới hạn. “Như thật trí”: Thích luận nói về mười thứ trí. Mười thứ đều giống với Nhị thừa. Chỉ có loại Như thật trí là không chung cùng. Đó là “Như thực chứng biết tướng chung, tướng riêng của tất cả các pháp không gì ngăn ngại”. Cái được chiếu soi, Ngang thì bao trùm, Dọc thì thấu suốt. Đó là Pháp tánh đây nói.

Hai là “Lại nữa, Vô v.v...” trở xuống là căn cứ vào “Ngay nơi Sự là lý” để giải thích. Pháp tánh sâu rộng là chỗ Đức Phật đi, lại hơn hẳn sự thanh tịnh do Bồ-tát thực hành. Vì sợ người không thông đạt cho rằng nay, ngoài nhân quả, sắc, tâm của y chánh phàm phu thì có Pháp tánh riêng. Đó là chỗ mà Đức Phật đi nên Tiên sư đặc biệt ngăn đón rằng không có một Pháp nào riêng gọi là Vô lượng và sâu xa. Nhưng, nói tất cả nơi chốn là phải thâm nhiếp cả ba vùng đất. Các pháp xứng hợp với nhân quả của chín cõi. Nếu pháp của Phật Giá-na chỉ là tịnh, chỉ là thiện thì nhiệm ác của ba cõi, chín giới phải dứt một. Vậy làm sao để gọi “Đều là Phật Pháp”? Cho nên chúng ta phải biết rõ rằng tất cả nhiệm ác đều là tánh cụ, Phật tánh Duyên Liễu chẳng phải chỉ có Tịnh Thiện, tánh nhiệm tánh ác đều là Duyên Liễu. Nếu các pháp ấy đều là Phật tánh thì thể của tu nhiệm thuộc ba cõi, chín giới là thể không, tánh đức mười cõi. Thể Viên giác ấy có mặt khắp mọi nơi, gọi là “Giá-na hiện hữu khắp mọi nơi, tất cả các pháp đều là Phật pháp “. Vậy, có một niệm nào, một hạt bụi nào, một người nào chẳng phải pháp tánh là nơi mà Đức Phật đi? Vì vậy, Tiên sư nói là “Vô lượng”.

Lại nữa, chúng ta phải biết rằng Đường thể của tất cả pháp nhiệm ác tất sâu xa, kín đáo, cho nên nói là “sâu xa” chứ thật sự chẳng có một pháp riêng gọi là sâu xa. Vì vậy, nói là ngay nơi sự là Trung đạo sắc hương chân thật, bởi lẽ, đối với người mê thì sắc hương họ cho là phần nhỏ của sắc. Nhưng, đối với kẻ giải thoát thì đều là toàn phần của pháp giới. Vì là duy sắc, duy hương, duy vị, duy xúc.

Nếu thừa nhận rằng ngoài sắc còn có pháp vi trần thì không thể gọi là duy, là Trung đạo. Vì Trung đạo kín đáo nhiệm mầu, không thể nào suy nghĩ được nên gọi là sâu xa.

Kế là chẳng hạn như v.v... trở xuống là dẫn tâm loại của luận... như sau:

- Một là Dẫn loại.

- Hai là y theo đó v.v... trở xuống là giải thích theo tiêu chuẩn, có ba:

+ Một là giải thích về Vô lượng của Trung đế: nói rõ về Tứ đẳng rằng “Theo tâm thì Từ, Bi, Hỷ, Xả được gọi là Đẳng. Theo cảnh thì được gọi là Vô lượng”. Đó là chúng sinh duyên. Y theo cương giới rộng hẹp nên có ba lớp tên gọi, đó là rộng lớn Vô lượng. Nay, tùy theo thuyết kia mà y theo Chân, Tục và Trung để lập ra ba danh từ.

Kinh nêu “Đi trong vô lượng pháp tánh” là nói rõ về Lý Viên dung của Trung đạo chứ chẳng phải Chân của Đản Không và Tục của Thiên giả.

+ Hai là “Nếu duyên v.v...” trở xuống là nói về vấn đề Trung thì chắc chắn dung nhiếp. Có thể vì đối cơ nên Đức Phật dùng Quyền Trí nghiêng chiếu Nhị đế. Vì đã không nhiếp Trung nên chẳng đi trên Vô lượng pháp tánh. Nay Đức Phật dùng Thật trí chiếu soi Lý Trung đế nên dung nhiếp tất cả. Vì vậy, Tiên sư nói “Nếu duyên vào Trung đạo thì tức ba trí, một tâm v.v...” Do đó, Trung đế gọi là Vô lượng”.

+ Ba là “Đây v.v...” trở xuống là kết thúc sự tương xứng của Cảnh và Trí. Như kinh Pháp Hoa nói: “Chỉ có Đức Phật chứng nhập trọn vẹn thật tướng các pháp”. Lý của Quyền thật làm sao thâm nhập đến cùng cực? Bởi nhờ Đức Phật đạt được trí vô tận nên mới nhập được cùng tận. Nay cũng như vậy. “Nhị thừa v.v...” trở xuống; Địa trí có hạn lượng. Vì thế, không đo lường được bờ của không bờ, bến của không bến.

Kế là “Các v.v...” trở xuống là giải thích về hành xứ của Phật, có hai:

Một là Pháp: người học nên biết rằng Bản giác là Xứ, Thủ giác là Phật, Toàn bản là Thủ thì Thủ mới hợp với Bản. Nếu không như vậy thì

làm sao mỗi pháp đều được gọi là “Vô lượng sâu xa”. Nhưng lúc mới ngồi đạo tràng thì đã khế hợp một cách sâu xa. Nay, vì dắt dẫn chúng sinh nên chỉ bày về sự hợp nhất. Do đó, Tiên sư liền nói: “Đi trên chỗ đi của chư Phật”.

Hai là Nêu dụ: Nêu lên hành xử thường chứa đựng làm sáng tỏ.

Kế là “Sai lầm v.v...” trở xuống là kết.

Tiếp là y theo văn để giải thích, có hai:

Một là y theo nghĩa để giải thích khái lược.

Hai là Dẫn văn để giải thích rộng, có hai:

Một là Địa trì: “Chín thứ thiên”:

1. Tự tánh.
2. Tất cả.
3. Câu hỏi.
4. Tất cả cửa.
5. Người lành.
6. Tất cả hành.
7. Dứt trừ phiền não.
8. Đời này đời khác.
9. Thanh tịnh tịnh.

Trong văn nói lược về hai thứ thiên trước và sau. Thiên thứ chín là từ Thập địa chuyển nhập Diệu giác.

Vì vậy, Tiên sư nói: “hoặc là Chính, hoặc là Tập của tất cả hoặc lụy thuộc về Thông và Biệt đã dứt sạch”. Từ Thập địa trở xuống đều có cả Chính và Tập. Cho nên luận giải Hoa Nghiêm không khai Đẳng giác, vì Thập địa tức là Đẳng giác.

Cho nên nói Chánh Tập hoặc lụy của Thông và Biệt là vì Thông là Tứ trụ, Biệt là Vô minh. Chính sử của hoặc thuộc Thông và Biệt của bậc Thất Tín thuộc Viên đã dứt hết, Tập khí thì đến Phật là bằng tập đã dứt của Biệt. Vì những nhà giải thích ngày nay đối với tập khí của Tiểu thừa phân biệt thành mười sáu cửa.

Nếu hoặc của Biệt là bốn mươi hai phẩm, giai đoạn dứt bỏ như bình thường. Tập khí có đủ được nói trong Tịnh Danh số. Viên giáo khởi đầu từ Sơ trụ, kết thúc ở Pháp vân. Viên tuy dứt các kiến nhưng vẫn còn Tập. Đẳng giác nhập Trùng huyền môn; ngàn, muôn ức kiếp lại tu về việc phạm.

Thấy Lý rõ ràng, Tập khí còn mỏng, Sự v.v... như sương khói vì những vị kia trích dẫn “thanh tịnh tịnh thiên là tất cả kiến chấp” của Địa trì nên chỉ thấy rõ Tập. Nếu các vị ấy trích dẫn “Thập địa dứt ái



Tập, Thập địa tức Đẳng giác” của kinh Ưu-bà-tắc thì lẽ nào lại không nhập Trùng huyền để dứt trừ đối với Tập khí? Văn rất rõ ràng.

Hai là Tịnh danh: Vì Đức Phật đối với tâm thanh tịnh thuộc tự tánh mà vượt hơn đối với tất cả những vị đạt được thiền định nên kinh nói: “Tâm tịnh đã vượt qua các thiền định”. Và cũng là đến nơi bờ kia của tất cả thiền định nên Đại sư nói: “Đã vượt qua”.

Kế là “Cũng là v.v...” trở xuống là lại dùng ý ấy để giải thích: Tự thân Phật không cao nhưng do y theo pháp mà Cao. Nay nói về vị trí cao là ý muốn phân biệt để làm sáng tỏ tính chất cao sâu của pháp tánh.

Tiếp là “Là vàng v.v...” trở xuống là trình bày về Biệt, có hai:

Một là Nói về nghĩa khác với trước. Nhưng, lẽ nào sự sắp xếp các phẩm trước là sinh ra năm nghĩa? Vì mười bảy phẩm chỉ bàn luận về ba pháp, nói rõ chung về tướng riêng và giáo lý che chở cho hữu tình. Nhưng, vì đã theo phẩm kinh nên nói về danh không sáng tỏ, nay nói văn kinh của Phẩm Tựa trình bày về năm nghĩa khiến cho người học biết về đầu và cuối của kinh này là chỉ giải thích Danh, Thể, Tông, Dụng và Giáo tướng. Có như vậy mới biết sự giải thích tựa đề đã nêu ra ý chỉ của kinh.

Hai là “Đầu tiên là mười v.v...” trở xuống là y theo văn để nói nghĩa như sau:

- Trình bày bốn nghĩa, có bốn:

- Câu trình bày về danh, có hai:

Một là Sự giải thích khác thuộc về Thể. Về “Khoáng thạch”, Thuyết Văn nói: “Khoáng là nguyên chất của đồng, sắt”. “Dụng bên trong và bên ngoài”. Quang là dụng bên trong, vì làm sáng tỏ tự thể, minh là dụng bên ngoài vì quán sát vật khác. Vị sư này cũng biết hai chữ Quang Minh thuộc Tông Dụng, kim là chính thể. Vì Thể của chúng không rời nhau nên tuy nêu lên ba chữ nhưng ý là ở tại Thể.

Hai là “Nay nói rõ v.v...” trở xuống là sự xác định trình bày danh của ngày nay. Nêu lên ba để làm sáng tỏ về một chẳng hoàn toàn trái với Lý, nên nói là “Đương nhiên”. Như sự chia văn, tự có câu kệ. Đích thực lấy Trung đạo làm vua kinh, chính là thể của sự trình bày, vậy cần gì phải dùng câu đầu tiên gồm cả Tông và Dụng để nói về Thể? Người học nên biết rằng câu thuộc về sự trình bày về danh là y theo văn phụ kèm ở trên. Thích danh của ba chữ không theo dụ để lập mà là gọi trực tiếp là pháp tánh sâu rộng. Vì Đức Phật thật sự đi trên Pháp tánh này nên tuyên bố rằng: “Kim Quang Minh này đứng đầu các kinh”. Vậy, nếu không gọi là Pháp tánh thì chữ “Này” là chỉ cho điều gì. Vì Đại sư

Trí Giả thấy được ý chỉ mầu nhiệm của kinh này nên mới lập văn giúp đỡ và giải thích về Đương thể. Để chứng minh cho văn giúp đỡ, trước tiên Đại sư dẫn câu này: “Sự nêu danh đầu tiên càng làm cho đáng tin. Đã phụ văn trước nên đặc biệt nêu ra ý này”. Nay giải thích danh của Tựa không hiển bày lại.

Kế là “Vua kinh v.v...” trở xuống là một câu tự thể, có hai:

Một là chỉ trên nêu ngày nay. Trên là huyền văn nói lại về Đế vương. Ý theo pháp môn nhiếp mà nhiếp giáo nhiếp vị, nói về vua kinh” đã xong. Nay, ở đây lại y theo Trung đạo để nói về vua.

Hai là “ba tạng v.v...” là đối với cái khác mà giải thích về chính như sau:

- Nói về sự giải thích khác, có hai:

Một là Tự: Ý của ba tạng là “Ba chữ tựa đề của kinh này dụ cho ba thứ đức. Đó là dùng ba thứ đức chia ra để đối với ba kinh. Niết-bàn nói Phật có khả năng giải thoát, chính vì muốn dứt trừ cái thấy hư vô của Nhị thừa. Bát-nhã bàn luận về không, chính là muốn cho phàm phu xả bỏ sự chấp đắm về Hữu. Hoa Nghiêm đốn thuyết về Lý Pháp thân, che chở cho Thập tín, Tam hiền. Vì vậy, nói là mới đi”. Ba kinh trên, mỗi kinh đều nói về một đức, mỗi kinh đều che chở cho một loại căn cơ giải thoát, che chở cho hai vị trì Nhị thừa, Bát-nhã che chở cho phàm phu, chỉ cho cả Người trời là một vị trí. Pháp thân che chở cho năm vị trí là Tín, Trụ, Hạnh, Hưởng và Địa của Bồ-tát. Đã che chở cho tất cả căn cơ thì chính là vua kinh, nghĩa là thống nhiếp.

Hai là “Ở đây v.v...” trở xuống là bác bỏ, có hai:

Một là Nói về việc trái với ý chỉ của giáo. Niết-bàn nói về ba thứ đức sâu mầu, hợp với sự che chở cho cơ thuộc Viên, lẽ nào chỉ có Nhị thừa thôi ư? Bát-nhã chỉ bày về ba thứ Bát-nhã, lẽ nào lại khác với ba thứ đức, huống chi là nói: “Thính chúng là người không sống chết” thì lẽ nào chỉ có người phàm? Ba thứ thân của Hoa Nghiêm cũng chính là ba thứ đức. Đã nói đầy đủ về Thập địa thì lẽ nào lại chỉ che chở cho Bồ-tát mới thực hành. Cách giải thích đó chẳng những chỉ bị nhiếp cơ có hạn mà còn nói rõ là pháp tánh không viên dung.

Hai là “Làm như thế v.v...” trở xuống là nói về sự tổn hại đối với hành giả. Cách giải thích như thế của Chân-đế, người có hiểu biết thì biết là không đúng. Nhưng, người không hiểu biết sẽ cho rằng ba kinh kia kém hơn kinh này. Sự giải thích ấy làm sinh ra sự chê bai để mắc tội nên đầu thế y theo.

Kế là “Nay nói v.v...” trở xuống là nói rõ về giải thích của ngày

nay như sau:

Một là Chỉ bày chung về sự đúng sai của vấn đề vua kinh của các bộ như sau:

- Y theo ba đế để quyết định sự đúng sai như sau:

Một là chỉ bày về ba đế: “Giáo bộ một đời”, có kinh lấy văn tự thuộc chủ thể giải thích làm kinh, có kinh lấy nghĩa lý được giải thích làm kinh, có kinh lấy sự hợp nhất giữa văn và lý làm kinh. Vì vậy “Kinh một đời” không nằm ngoài sự hợp và không hợp của văn và lý. Nếu không hợp thì Văn thuộc chủ thể giải thích chỉ là Tục đế. Lẽ tất nhiên, nó không ngoài ba thứ là Tục thật có của ba Tạng, tục huyền có của Thông giáo Huyền hữu huyền có của biệt giáo tức là không cộng tục. Nếu Lý được giải thích chỉ là Chân-đế thì cũng chỉ có ba thứ thuộc thật hữu diệt không của ba Tạng, Chân thuộc phạm trừ Huyền hữu tức không của Thông giáo và Chân thuộc Bất hữu bất không của Biệt giáo. Trong sáu phạm trừ này, Thể của ba thứ Chân-đế không có Tục mà chỉ nhờ ba thứ Tục để được nhập chân. Nhưng, vì cuối cùng phải dứt trừ Tục nên nghĩa của Hợp không thành. Nếu Văn và Lý hợp thì không ngoài ba loại. Đó là Viên tiếp Thông, Viên tiếp Biệt và Chính Viên giáo.

Thể của ba loại Chân Tục này là Trung. Vì sao? Vì tự thân của Viên giáo vốn có sự hướng về nhau của Chân và Tục. Nếu tiếp Thông và Biệt thì Chân lý được giải thích đã hướng về các pháp, dù hạn cuộc ở văn chiếu soi Tục đi nữa cũng hướng về các pháp. Vì vậy, ba thứ Chân tục này không hai. Do đó nói rằng: “Nghĩa của Văn và Lý hợp với Trung đạo được thành tựu “. Vì Chân tức là Tục nên Chân chẳng phải Chân. Vì Tục tức là Chân nên Tục tức chẳng phải Tục. Chẳng Chân chẳng Tục, ngôn ngữ và suy nghĩ tự biến mất, gắng gượng gọi là Trung.

Hỏi: Xét về Tục thuộc sự lập lại của Biệt giáo thì Huyền hữu có thể là văn thuộc chủ thể giải thích, nhưng, tại sao Tức không lại cũng là Văn?

Đáp: Văn là nói về nghĩa của chủ thể giải thích, chủ thể hiển xuất thuộc tướng của văn, nếu nghĩa ở tại Thông giáo thì Không lấy tướng mất để làm lý giải thích. Nay đối với Biệt giáo, hai bên đều là Ứng thì đó là chủ thể hiển xuất đối với hai Phi. Vì vậy, Không và Hữu đều là Văn.

Hỏi: Bảy loại như Tạng, v.v... đều gọi là Chân tục, tại sao ba loại sau được gọi là Trung đạo.

Đáp: Lẽ nào nghe về Chân Tục thì liền không có Trung? Như Viên đúng với Giáo và tiếp Thông, Biệt. Ba thứ Chân tục này đã được

gọi là không thể suy nghĩ bàn luận thì lẽ nào lại chẳng phải Trung đạo. Như Niết-bàn sơ chú thích về bảy thứ Nhị đế. Trong đó có ba thứ lấy Trung đạo làm tên gọi thì tại sao chỉ trách cứ ở đây? Hỏi lấy nghĩa của chúng thì tại sao Bất không Bất hữu thuộc Chân-đế của Biệt giáo lại không gọi là Trung?

Trung của lia hai bên không hợp với Văn và Lý.

Người Sơ tâm không thể mất ngay sự nghĩ bàn. Nếu so với Viên thì chỉ là Chân được giải thích bởi Tục lặp lại. Vì vậy, sự giải thích về “Như thị” của kinh thuộc Văn cú ở trước đối với Viên và Biệt rằng: “Phá bỏ lia để làm sáng tỏ Trung. Vì nếu đối tượng được giải thích chẳng phải chủ thể giải thích thì không gọi là Trung đạo. Tánh của văn tự vốn “lia” nên tất cả văn tự đều là Phật pháp. Như thế mới gọi là “Như thị” thuộc Trung đạo của Viên giáo.

Hỏi: Vì sao chỉ loại bỏ Biệt tiếp Thông?

Đáp: Nay lấy Chân Tục đối với Văn Lý, Biệt tiếp Thông đã ở trong sáu phạm trù. Vì sao? Vì nếu chưa nhận “Tiếp” thì phải dùng Huyền hữu giải thích tức không. Nếu đã nhận “Tiếp” thì tự thuộc về Dẫn trung, chiếu soi hạn cục đối với Tục thuộc lặp lại. Vì vậy, y theo Thể của Pháp đã ở tại sáu phạm trù trước thì có xả bỏ cái gì đâu? Hướng chi Văn ngày nay không nêu rõ là “Hai thứ Nhị đế” mà chỉ nói về việc giữ văn lấy Lý của một đời. Lấy sự hợp nhất giữa Văn và Lý có ba thứ kinh thuộc về Tục, ba thứ kinh thuộc về Chân và ba loại kinh thuộc về Trung. Sự nói về kinh như thế đã được thấu nhiếp hoàn toàn vào một việc giáo hóa. Có người chỉ y theo danh từ Kim Quang Minh mà lập ra chín thứ kinh. Họ chỉ y theo chữ “Lấy” để làm căn bản của nghĩa.

Nghĩa là, nếu chấp đấm Văn thuộc thủ thể giải thích của ba chữ thì gọi là ba thứ Chân-đế. Nếu chấp đấm Lý thể thuộc đối tượng được giải thích thì gọi là ba thứ Trung đạo. Giải thích theo cách này thì lẽ nào chỉ y theo Tâm để giải nghĩa? Nếu không thì sẽ trái với ý của văn, dùng hai chữ trước để giải thích về chấp đấm, dùng một chữ chấp sau để giải thích về chấp đấm nghiêng về một bên là nói về điều gì? Vì giải thích về “Vua các kinh” nên Đại sư lập ra chín loại để thấu nhiếp tất cả kinh trong một đời. Vì kinh này đã nói về vua của Trung đạo nên đối với chín loại được tự tại, gọi là vua các kinh. Tại sao lại nhờ chín loại chỉ ở ba chữ? Vì đó là do Kim Quang Minh tự làm Vua của Kim Quang Minh. Đã nói các kinh nên hoàn toàn chẳng phải là Vua có tính cách thống nhiếp, sai trái rất nhiều chỉ nói về hai vấn đề ấy.

Kế là “Nếu nói v.v...” trở xuống là quyết định đúng sai. Nhưng

trong các bộ, có bộ nói ba thứ trước là Tục đế thuộc chủ thể giải thích, có bộ nói ba thứ giải thích trước là Chân-đế thuộc. Vì thể không hợp nên đều gọi là Đế khác, chỉ được là kinh, chứ không gọi là Vua kinh. Vì nó không làm sáng tỏ ý nghĩa của Vua có tính chất thống nhiếp nên chẳng phải Vua. Như trong các bộ có nói về ba thứ Chân có Tục, Tục của toàn bộ Chân, Nhị đế không hai gọi là Trung đạo, ngoài Trung đạo ấy ra không có một mảy pháp nào nữa. Như kinh này nói: “Pháp tánh vô lượng sâu xa”.

Lại nói: “Trí cảnh không thể suy nghĩ bàn luận”. Lại nói: “An trụ trong tánh Như của tất cả pháp”. Đối với tất cả pháp ngầm chứa và thọ nhận tất cả pháp. Như thế thì ngoài những điều được giải thích không có chủ thể giải thích. Vậy, lẽ nào ngoài chủ thể giải thích lại có cái được giải thích ư? Văn và Lý đã hợp nhất thì Trung đạo viên dung. Vì thế, vẫn được gọi kinh này là Vua. Đó là đối với chín loại kinh của ba loại tục, ba loại Chân và ba loại Trung mà được tự tại.

Hỏi: Thế của kinh đối với ba loại đã là vua, tại sao lại nói “Tự tại đối với chín loại”?

Đáp: Sự giải thích về chín loại ở trên là Thông giáo y theo ba loại Tục, ba loại Chân và ba loại Trung để chỉ bày vấn đề kinh của một đời có Thiên, có Viên. Nay xếp đặt các bộ tùy theo bộ, có nơi nói về Trung đạo của Viên tức là vua kinh. Đối với Thông mà chỉ bày chín thứ tự tại, đối với ba loại Trung, kinh là tên gọi khác; vì thế đã giống nhau nên được tự tại. Nếu sáu loại kinh khác thì tức là phương tiện được sử dụng ở trong Viên. Như vua đối với các quan, lẽ nào không được tự tại?

Kế là “Nhưng kinh v.v...” trở xuống là y theo Trung đạo để làm sáng tỏ sự tôn quý cùng cực, có ba:

Một là nói về thể Viên của các bộ là vua. Trung đạo là vua kinh, thể của Trung đạo là một. Tùy theo chúng sinh mà nên đặt ra tên gọi khác. Vì vậy, văn ở trước nói: “Nếu nói Trung đạo là vua kinh, vì sao kinh nói vậy? Tức là trong bốn vị của Hoa Nghiêm v.v... làm Pháp thân v.v... nói thể của kinh. Nhưng phải phân biệt trong bốn vị là vua chẳng phải vua, như bộ Hoa Nghiêm có ba thứ kinh. Trung chính Viên và Trung tiếp Biệt là kinh, là vua. Trung chính Biệt giáo là kinh nhưng chẳng phải vua.

Cho nên pháp thân phải phân biệt Trung của Biệt. Đản không của ba tạng thật có Nhị đế là kinh nhưng chẳng phải vua. Trong bộ Phương đẳng có đủ chín loại kinh. Ba loại là Trung thuộc chính Viên giáo, Trung thuộc Viên tiếp Biệt và Trung thuộc Viên tiếp Thông, là vua

kinh. Vì vậy, danh từ thật tướng có cả ba loại này, sáu loại khác là kinh chứ không được là vua. Trong bộ Bát-nhã không có bảy thứ kinh của hai thứ Hữu thuộc ba tạng, cũng đồng với ba loại là vua của kinh thuộc Phương đẳng được gọi là mẹ của Phật. Bốn thứ còn lại chẳng phải vua. Một loại Viên của Pháp Hoa là kinh, là vua. Vì khai quyền nên mở búi tóc cho hạt châu. Chín loại Niết-bàn đều biết Trung của Viên đều là vua kinh. “Tất cả chúng sinh đều được thành Phật”. Nên có ai là chẳng lấy chánh nhân làm thầy? Vì thế, vấn đề Trung đạo vua kinh trong các bộ lớn có sự triển khai và quy nạp; chỉ có một pháp tánh mà lập nhiều tên khác này để làm thể của các kinh.

Hai là “Thí như v.v...” trở xuống là y theo vua loài người trong các đời làm thí dụ. “Các họ” tức là nói về họ của ba Hoàng, năm Đế. Thái Hạo Phục Hy họ Phòng. Viêm đế Thần Nông họ Khương. Hoàng đế Hữu Bi họ Công Tôn. Đó là ba Hoàng. Thiếu Hạo họ Kim Thiên, Chuyên Húc họ Cao Dương, Đế Khốc họ Cao Tân, tất cả đều họ Cơ. Đế Nghiêu Đào Đường họ Y Kỳ, Đế Thuấn Hữu Ngu họ Đào. Đó là năm Đế.

Vì vậy, Tiên sư nói là “Các họ” “Ứng vận lần lượt hưng khởi”. Ứng với vận năm hành sinh nhau của trời. Phục Hy Ứng vận Mộc, Thần Nông Ứng vận Hỏa, Hoàng Đế vận Thổ. Theo thứ lớp mà suy luận để biết vận của năm đế “Bất chước rồng”. Lúc Phục Hy mới lập nước có điềm lành của rồng nên lấy Rồng làm kỷ quan. Nên Tả Truyện chép: “Thái Hạo lấy Long kỷ. Vì bất chước Rồng nên có tên là Rồng. “Điều quan”: Lúc Thiếu Hạo mới lập nước vì có điềm lành của con phượng nên lấy chim làm kỷ quan. Cho nên Tả Truyện nói: “Thiếu Hạo ứng theo đó mà lập, cũng gặp chim Phượng đến. Do bất chước theo chim mà có tên loài chim. “Tùy thời bá lập”: Là nói Ứng vận mà làm Vua thiên hạ. “Trăm đời tuy khác” nghĩa là hiệu của Kỷ khác nhau, nhưng vua thống nhiếp là một, đều đứng đầu thiên hạ.

Ba là “Pháp tánh v.v...” trở xuống là trình bày sự tùy bộ đặt tên hợp với thí dụ. Danh tuy có hưng phế nhưng thể chẳng thêm bớt. Vì vậy từ “Pháp thân” cho đến “Bất chước Phật”, mỗi loại đều đối với chín loại kinh mà được Tự tại. Tức là điều mà ở trước ví dụ rằng: “Trăm đời tuy khác nhưng vua thống nhiếp là một”.

Kế là “Pháp tánh là v.v...” trở xuống chính là nói về Thể tánh của kinh này. Lấy Văn và Lý hợp với Trung đạo làm thể. Ở đây là giải thích về Thông như xếp các bộ kinh có biệt danh thể. Kinh này lấy vua pháp tánh làm thể của kinh. Vì Đức Phật đi trong pháp tánh sâu xa nên liền

tuyên bố rằng: “Kinh Kim Quang Minh này là vua các kinh”. Lẽ nào chẳng phải chỉ cho Pháp tánh, chỗ được đi là thể của tên Kim Quang Minh trở xuống ư? Thể này tự tại, đứng đầu các kinh.

Hỏi: Ba thứ vua kinh đều gọi là Thể của kinh Đại thừa, vậy, Thể của kinh này là thuộc vua nào?

Đáp: Tuy văn giải thích Pháp tánh là ở tại Viên, nhưng vì thừa nhận rằng cả ba thừa đều y theo đó mà sám hối nên Đại sư y theo Viên để giải thích về Thể. Phán giáo thuộc Thông nhưng nghĩa thì xứng với Viên giáo nhập Trung đạo của Thông để làm Vua kinh.

Hỏi: Tịnh Danh Huyền nói: “Nếu ba thứ Tục đế ở trong lý chẳng phải là thể của kinh này thì ba thứ Chân-đế là Pháp tánh thật tướng được làm thể của kinh”. Nay nói “Nếu lấy Văn và Lý hợp nhất làm kinh thì đó là ba thứ Trung đạo”. Và lại, Văn và Lý đã hợp thì Chân và Tục đều có trung. Như thế thì Tục đế được làm Thể của kinh lại chẳng trái với nghĩa của Tịnh Danh Huyền ư?

Đáp: Tịnh Danh Huyền và ở đây xoay vần tùy thuận, không trái ngược nhau. Vì thể của kinh chưa bắt đầu là văn mà văn không đến. Chính sự mà là Chân mới là Thể của kinh. Dùng Nhị đế phân chia Thể thì thuộc Chân. Thể của ba đế xứng hợp với Trung đạo. Ở đây là khai thị ở nơi chấm dứt của đường tâm mới là thể của kinh. Nếu Tạng, Thông, Biệt xứng với Giáo thì cũng nói rằng “Thể dứt bật ngôn ngữ, tướng niệm” Nhưng đều là đối tượng được giải thích, không có đủ Chủ thể giải thích thì làm sao chủ thể giải thích hợp với đối tượng được giải thích? Vì vậy, Văn và Lý của sáu thứ kinh không hợp nhất. So với Viên giáo thì thật sự không dứt bật lý. Vì Đại sư muốn làm sáng tỏ thể của kinh để chỉ bày về cánh cửa dứt tướng nên nói rằng: “Văn Lý hợp ba thứ Trung đạo là thể của Viên thuộc đối tượng được giải thích bởi giáo lý của bốn vị. Bàn luận về Lý mà có đủ văn thì Văn mới chính là Lý. Lý cũng là Văn, Văn đã chính là Lý thì chủ thể giải thích tự biến mất. Lý đã tức là Văn thì đối tượng được giải thích không thể đạt được. Chủ thể và đối tượng đã dứt bật thì thể của Trung tự sáng tỏ. Văn kia đã nói có ba thứ Chân-đế trong Lý đều là Trung của Viên. Vì vậy sự giải thích về thể của văn kia và văn này không khác nhau. Như trong Diệu Huyền dẫn Kim cương Tạng của Địa Luận nói “Không và Hữu chẳng hai, chẳng khác, chẳng cùng tận”. Bốn câu làm sáng tỏ về Thể, từ khác nhau nhưng ý giống nhau”.

Thích Tiêm hỏi rằng:

“Vì sao Không và Giả lại được làm thể của kinh?”

Đáp: Đã là Không và Giả của không nghĩ bàn, lại chỉ Không Giả tức là Trung, Trung là Thể của kinh. Trung tức là Không Giả lại chỉ ở Trung. Bốn câu của văn kia không ngoài ba đế. Vì Viên dung nên mỗi Đế trong ba đế đều có ba Đế. Như vậy thì mỗi câu của bốn câu đều là ba đế. Vì lẽ đó chúng mới được gọi là “Từ khác nhưng ý thì giống nhau”. Vì mỗi câu đều có Trung nên mỗi câu đều là Thể cả. “Luận bàn cùng cực, Không Giả được làm thể”. Do có đủ ở Trung nên quay lại chỉ rằng Không và Giả tức Trung, Trung là Thể của kinh. Vì vậy, tuy Trung đế có Không và Giả nhưng Không và Giả chẳng phải là Thể. Vì thế, Đại sư nói: “Trung tức là Không và Giả, cũng chỉ cho Trung”.

Hỏi: Tại sao không chỉ nói rằng Trung là Thể của kinh, Không và Giả chẳng phải là thể? Nói như vậy đối với nghĩa là đã đủ mà trước lại giải thích về vấn đề mỗi Đế trong ba đế đều có ba đế, lại phân biệt Không và Giả trong mỗi Đế của ba đế và chỉ lấy Trung ở Trung đế làm Thể của kinh?

Đáp: Nếu chỉ nói riêng thì nghĩa của Viên không thành, mà phải nói một cách viên dung thì mới làm sáng tỏ được Bản thể sâu mầu. Vì sao? Vì Không và Giả là sự tu tập của Trung, cả hai chính là Tông và Dụng của kinh. Trung là Nhất tánh, tức là Thể của kinh. Nếu chỉ nói rằng “Trung là thể của kinh thì ngoài Tông và Dụng ra còn có tự thể riêng. Như thế thì thể hẹp, chẳng cùng khắp.

Vì vậy, phải nói rằng cả ba đế đều là thể của kinh. Nếu chẳng phân biệt Không và Giả đối với mỗi Đế trong ba Đế và chỉ lấy Thể của Trung thì chẳng thể làm sáng tỏ vấn đề Thể chẳng phải do trí dứt. Giải thích về Thể như vậy là chẳng phải là Tông và Dụng, cũng chẳng là Tông và Dụng. Nghĩ bàn mất sạch, diệu thể thiên nhiên. Trung là thể của kinh, Viên diệu đã như vậy. Vì y theo Không và Giả nên Tông, Dụng cũng là mầu nhiệm. Vì Không trùm khắp ba đế nên Tông này không hẹp, Giả trùm khắp ba đế nên Dụng càng lớn. Vẫn mỗi Đế trong ba đế phân biệt Giả Trung, hiển bày tông là Trí. Cũng phải mỗi Đế trong ba đế phân biệt Không Trung, hiển Dụng là đạo. Mỗi Đế đối với hai đế nói lên chẳng tức chẳng là. Vì thế, tất cả đều được gọi là không thể suy nghĩ bàn luận. Nếu như vậy thì lẽ nào chỉ có thể là vua kinh? Tông và Dụng cũng là Vua. Tên gọi thì gồm cả ba thứ Vua, Giáo thì giải thích về bốn thứ Vua. Vì một danh một thể, một tông, một dụng, một Giáo đều là Trung đạo, cho nên Huyền Nghĩa nói: “Văn gọi là Vua kinh, Giáo thâm nhiếp các điển. Giáo vẫn được gọi là Vua thì danh v.v... có thể biết là dường nào. Các pháp đã là Trung, là Thể của kinh, lại



phải phân biệt để làm sáng tỏ Danh là chủ thể giải thích, Tông là Tự chứng, Dụng là sự giáo hóa người và Giáo là chủ thể phân biệt. Chỉ có thể của kinh là đối tượng bị chấp lấy. Gồm nhiếp trọn vẹn, phân biệt không sót, cùng với bốn câu của Kim cương Tạng đều là Thể. Thích Tiêm đối với bốn thứ chỉ lấy Trung, Lý của chúng đều phù hợp.

Kế là “Nếu cho rằng v.v...” trở xuống là Tiên sư đặc biệt trình bày sự khế lý, có lợi cho căn cơ của cách giải thích ngày nay để làm sáng tỏ Trung đạo của Viên, bất dứt nói năng và suy nghĩ mà làm Vua kinh. Trên thì thuận với ý chỉ trình bày về thể của Như Lai. Dưới là Ứng với căn cơ nghe kinh của chúng sinh. Đã nói về bốn vị thì sự hợp nhất của Văn và Lý của các kinh Đại thừa đều là vua của kinh. Như vậy, lẽ nào lại có việc chỉ tôn trọng kinh của ta mà khinh thường kinh của người khác. Đó là so với sự cách biệt nhau đến cùng cực của Chân-đế.

Kế là “Mẫu nhiệm v.v...” trở xuống là nói về Tông, có hai:

Một là Giải thích về Mẫu nhiệm: Như Lai đã trình bày về danh từ Kim Quang Minh là thể của kinh và vua. Đây là bí tạng được giải thích bởi một bộ kinh. Nếu có người nghe thì phải suy nghĩ về ý nghĩa ấy.

Vì thế, Tiên sư nói là “Mẫu nhiệm”. Đối với hai chữ này, nếu Nhân quả cùng thiếu sót thì không có ba thứ Pháp khởi đầu, chung cuộc và thường trụ. Vì vậy, đối với xưa chẳng phải làm sáng tỏ chính nghĩa của ngày nay. Nhân bao gồm Bát Địa, Quả cùng cực Diệu giác. Vì vị trí chia làm sáu nên sâu mà khó thấy. Cả sáu đều là “Chính là” nên chẳng phải Đọc, chẳng phải Ngang. Vì nhân chính là quả nên chẳng phải Đọc, vì Sự chính là Lý nên chẳng phải Ngang. Văn giải về Lý tánh lấy quả làm thể rằng “Lại cũng như vậy”. Nếu biết rõ sáu thứ “Chính là” thì nghĩa đều đầy đủ.

Hai là “Bốn phương v.v...” trở xuống là giải thích về sự hộ trì của bốn Đức Phật như sau:

- Giải thích theo Giáo gồm có:
- Chính là giải thích, có hai:

Một là giải thích về bốn phương, bốn vị Phật: Phật tuyên bố lời đó là ý có điều muốn nói lên, chính thức trình bày về Tông của kinh. Tông là Trí thuộc quả, hợp với thể của Pháp tánh. Tuy thể là một nhưng lại mở ra thành bốn môn. Đó là Diệu không, Diệu hữu, Song diệc và Song phi. Như Địa luận nói về bốn câu làm sáng tỏ Thể để làm bốn phương. quả trí khế hợp để làm bốn vị Phật, ý của sự trình bày về Tông rõ ràng, hãy xem xét.

Hai là “Giải thích v.v...” trở xuống là giải thích về hộ trì, có hai:

Một là theo Thể dụng của năm vị Phật để giải thích về Trì: Tông chỉ của kinh theo ngày nay là ở sự giải thích về quả trí tôn quý. Vì muốn làm sáng tỏ loại trí này, thâm khế hợp với Lý của bốn môn nên Tiên sư đặc biệt y theo bốn vị Phật để giải thích. Do trí Phật không phân ra kia đây mà cùng thâm khế hợp với tính bất động của pháp thân. Thuận với Tánh gọi là Trì. Pháp tánh là thể của Pháp, chư Phật là trì của Báo. Tuổi thọ là Dụng của Ứng. Vì ba thứ này đều thường hằng nên gọi là Vô lượng.

Hai là “Tín v.v...” trở xuống là y theo sự dứt nghi của Tín Tướng để giải thích về Bảo vệ. Đức Phật bảo vệ pháp tánh là vì muốn giúp cho chúng sinh không khởi hoặc điên đảo. Tín Tướng chỉ nghĩ về tám mươi đoạn Tích, hoặc đối với Pháp Báo là gốc của thường trụ. Bốn Đức Phật khai thị về gốc khiến cho người nghe ngộ được Tám mươi tức là dụng thường hằng. Vì vậy gọi là Hộ.

Kế là “Một đó v.v...” trở xuống là phân biệt chỉ bày: Chỉ cho văn của Tông gọi là một câu, nghĩa tuy có nhiều loại nhưng không ngoài ba thứ là Thể, Tông và Dụng, chính tuy trình bày về Tông nhưng Tông phải hợp với Thể và Thể chắc chắn khởi Dụng. Vì vậy câu này không thể giải thích một mình. Bốn đức như ở cuối.

Tiếp là “Quán v.v...” trở xuống là theo Quán để giải thích: Nghĩa của sự trình bày về Tông của kinh ở trên quy về quả Phật. Người đương cơ nghe thấy thì hoặc bị phá, Lý được sáng tỏ. Nếu hành giả ngày nay không hiểu về Phương, về Phật ở trong tâm mà chỉ nghe về loại giáo này thì nào có lợi ích gì? Vì vậy, Tiên sư muốn giúp cho hành giả quán tâm để biết nhận đối với bốn đế cho đến bốn đức. Đã chính là tâm của ta thì thoát khỏi nạn đếm châu báu cho người khác. Văn này chia làm hai.

Một là y theo Đế và đức để lập pháp quán của Viên như sau:

- Y theo bốn đế, gồm có:

Một là nói chung về cảnh trí: bốn môn, bốn đế đều có cả cả Nhân quả. Môn theo lý mà khai mở, quy về quả là tiện lợi. Đế có khổ và Tập nên đối với Hành giả Sơ tâm nên biết! Mượn Phật ở bốn phương để biểu thị cho trí của bốn đế. Đây là gá sự gồm phụ pháp tướng vào tâm mà thành quán. Vì vậy, bốn đế chính là một niệm tâm, ấm tâm là khổ, hiện hoặc là tập, ngay nơi trí là Đạo, vốn Tịch là Diệt. Biết như thật về chúng gọi là Trí của bốn đế.

Hai là “Đông v.v...” trở xuống là nêu riêng về cảnh trí, có hai:

Một là Quán cảnh: Pháp tướng của bốn đế là quả trước, nhân sau.

Nay y theo Tu quán nên khởi đầu là nhân, sau cùng là quả. Vì vậy, đối với thế gian và xuất thế gian thì Tập và Đạo ở trước, khổ và diệt ở sau. Người Sơ tâm quán cảnh muốn dễ nghiên cứu thì nên bắt đầu từ việc gần. Vì vậy, thuận theo danh từ Giáp Ất, năm hành, bốn quý v.v... của thế tục, khiến cho nghĩa bốn phương thành tựu, giúp cho nhận biết về bốn đế. Vấn đề quan trọng là lập ra phép quán chứ không nên câu nệ vào danh từ, giáo tướng.

Hai là “Quán sát đó v.v...” trở xuống là phát trí: Đã đối với Nhất tâm tức là quán bốn đế, quán sát không ngừng thì mắt trí phát sinh, nhậm vận hộ trì. Lý mầu không mất thì hoặc điên đảo không khởi. Nhưng, hành giả phải quán sát thật sâu Tứ đế thuộc phép quán của viên, đều gọi là Vô tác. Thể của khổ tập nghịch tu là tánh ác, ngay nơi nghịch là thuận, Đạo và Diệt không có công. Vì vậy, Tiên sư nói “ấm, Nhập đều là Như nên chẳng có Khổ đế mà xả. Trần lao vốn thanh tịnh nên chẳng có Tập để dứt bỏ. Biên và Tà đều là Trung chính nên không có Đạo để tu. Sinh tử tức Niết-bàn nên không có Diệt để để Chứng. Thấy bốn đế ấy rõ ràng gọi là phát trí của Đế.

Kế là “Lại nữa v.v...” trở xuống là y theo bốn đức: Phép quán bốn đế ở trên tuy quán nhất tâm, nhưng hành giả của bốn thứ giáo đều có thể tu chứng. Nay, y theo bốn đức nên mỗi thứ giáo đều nói rõ về ba thứ quán. Sơ tâm đốn tu thật sự thuộc về phép quán của Viên. Phương đồng so sánh với Thường; Thường bác bỏ vô thường nên Trần sa diệt hết. Vô thường bác bỏ thường nên kiến tư mất. Song phi bác bỏ hai bên nên Tập của Vô minh diệt. Nói thì có trước sau, nhưng tu thì ở tại một tâm. Ba phương còn lại theo lệ chung của cõi này.

Tiếp là “Quán Đông v.v...” trở xuống là y theo Đế, và Đức để chỉ bày danh hiệu của Phật. Sự nói rõ về trí của giác trước kia chỉ là sự giải thích chung. Nếu đối với quán tâm thì chẳng nói về biệt hiệu. Như thế thì quán đối với kinh chưa hoàn toàn thuận. Nay đối với Tập đế mà đạt được “chính là Chân thường” gọi là A-súc, Hán dịch là Bất động. Kế là đối với khổ đế đạt được “Chính là Chân lạc”. Chân lạc tôn trọng gọi là Thật tướng. Kế là đối với Đạo đế mà đạt được sự thanh tịnh rốt ráo, tuệ mạng thường trụ gọi là Vô Lượng Thọ. Kế đến là đối với Diệt đế mà đạt được hai thứ ngã không. Chân như được làm sáng tỏ là kho bí mật. Một âm ở cùng khắp gọi là âm thanh mầu nhiệm. Bốn phương có bốn vị Phật vốn là tâm tánh. Chính Tánh là quán, quán phù hợp với Tánh thành tên của bốn vị Phật.

Kế là “nay tôi v.v...” trở xuống là nói về Dụng, có hai:

Một là chia vãn.

Hai là Tùy theo giải thích. Gồm có:

- Năng phá thắng pháp, có hai:

- Y theo văn hiện tại để chỉ bày, có hai:

Một là nói về ba thứ pháp thể: Pháp vượt hơn có công năng bác bỏ ở tại thuộc về cảnh trí. Như sắp phá giặc thì năng lực của thân thể phải mạnh, kế đến là quyền mưu sâu và kế đến nữa là binh khí phải bén.

Hai là y theo thân nên dụ cho cảnh. Thân phải có mưu nên dụ cho Trí. Mưu cần có sự giúp đỡ của binh khí nên dụ cho hạnh. Nếu đầy đủ ba điều kiện ấy thì chướng chắc chắn tan mất.

Kế là “Nếu tướng v.v...” trở xuống là giải thích ba pháp tướng, như sau:

- Chỉ bày riêng, có hai:

Một là Biệt giáo: ba thứ lớp Hạnh, Trí và Lý giúp phát lúc tu là theo chiều Dọc. Pháp, Báo và Ứng đều làm sáng tỏ lúc chứng ở trong quả là theo chiều Ngang. Bởi giáo này vốn có Pháp thân, bị che đậy bởi hoặc. Vì thế phải tạo tác riêng về công đức của Duyên liễu để làm tư lương cho nhau mà hiển phát. Lại do giáo này mà ba pháp của tánh cụ không thâm nhiếp nhau khiến cho công thành, ba thứ thân hiển bày theo chiều Ngang.

Hai là “Nếu Viên v.v...” trở xuống là Viên giáo: Viên giải thích các pháp đều là pháp giới. Dùng trí của pháp giới để dẫn dắt hạnh của Pháp giới. Vì hạnh của pháp giới khế hợp với Cảnh của pháp giới, pháp giới không hai, ngoài một không có ba; vì vậy, lia lõi của Dọc. Pháp giới chẳng phải một, Tu và Tánh xoay vần; vì thế, lia lõi Ngang. Ba pháp tu ở trong nhân đã rõ ràng, lúc hiển bày ra ba thứ thân về mặt quả cũng vậy.

Kế là “Tuy v.v...” trở xuống là tổng kết. Tuy rằng Tu có Tiệm, Đốn nhưng đều thuộc về chủ thể phá chướng ở trong và ngoài cõi. Vì vậy, đều được gọi là pháp siêu, thuộc chủ thể phá.

Tiếp là “Quán..” trở xuống là dùng bản nay để hiển bày, văn xưa chỉ có ở thượng căn kia, là pháp của vòng thứ nhất. Bản dịch mới đã rộng mà lại có hai vòng. “Vương tử Ly-xa thuộc vòng thứ hai của bản dịch mới là Bà-la-môn. Nói pháp thân thường không có hiện tượng Xá-lợi là trung căn. Vòng thứ hai tự có một phẩm phân biệt ba thứ thân là hạ căn. Ba vòng này đều là pháp vượt hơn, tất nhiên là phá vỡ được ba thứ Chướng. Nay trình bày chủ thể phá nên nói là pháp v.v... Lý hợp với pháp này v.v... trở xuống là thuộc sự bao trùm ba vòng.

Kế là “kế đến, từ v.v...” là tội ác được phá, Gồm có:

- Phân chia lần hai về phân định chung, có hai:

Một là Khoa đầu tiên: Văn ở đây chính thức chỉ bày về tội ác được bác bỏ. “Mà nói trình bày về phẩm không v.v...” là nay nêu tội được bác bỏ để làm sáng tỏ dụng của chủ thể phá. Trong các pháp thuộc chủ thể phá thì Dụng của không rất quan trọng. Cho nên sẽ nói ở đây lại nói về phương cách thuộc chủ thể phá?

Đáp: Hạnh thuộc cảnh trí ở trước là thuộc thuộc chủ thể trị. Nay giải thích về việc chuyên văn, tư, tu của ba nghiệp là pháp thuộc về uống thuốc. Nếu không uống thuốc siêu việt, hoặc giả uống nhưng chẳng y theo phương pháp thì làm sao bệnh bớt được? Hai tướng này thành ba chướng để phá.

Hai là “Còn lại v.v...” trở xuống là phán định, có hai:

Một là Nói về sự chuyển đổi quả báo khác với các kinh. Quả báo đã thành thì khó có thể chuyển. Cũng có kinh nói rằng “Túc nghiệp không chuyển” hướng chi là quả báo đã thọ ư? Nhưng, đó là lý thuyết khác về sự che chở căn cơ của Tất-đàn. Nay nói về ba thứ chướng, nếu y theo kinh để tu thì tất cả chướng đều vắng lặng; vì pháp vượt hơn.

Hai là “Lược thứ nhất v.v...” trở xuống là giải thích về ba thứ chướng do phá giới. Lẽ nào lý do của ba thứ chướng mà lý thuyết khác của giáo môn lại trình bày đầy đủ? Nay y theo một môn do phá năm giới. Nghĩa của năm giới bao trùm rất sâu và thâm nhiếp rất rộng, cùng tận tất cả pháp. Nhưng, vì chúng không bị ngăn ngại các đường khác nên Tiên sư nói: “Lược thứ nhất”.

Hỏi: Chỉ do phiền não mà khởi nghiệp phá giới chứ lẽ nào lại do phá giới mà thành loại chướng thuộc phiền não?

Đáp: Do nghiệp của phá giới mà hiện ra nhiều việc tham, sân. Như do chê bai kinh mà lún sâu vào tà kiến nên dâm dục nổi lên dữ dội. Những tham v.v... đều do nghiệp mà khởi phiền não. Vì vậy, chúng ta biết rằng ba thứ chướng vốn có sự nghịch thuận, cùng làm nguyên nhân cho nhau.

Kế là “Nay v.v...” trở xuống là y theo khoa để giải thích rộng, gồm có:

- Giải thích về chướng của quả báo, có hai:

- Y theo sự trực tiếp của loài người, có hai:

Một là nêu bày nhân quả.

Hai là “Các v.v...” trở xuống là suy nghiệm về quả để tìm nhân, gồm có:

- Nói về quả báo của sát sinh, có như sau:

Một là nhắc lại kinh để chỉ bày: “Yếu bên trong”, Thuyết Văn nói: “Yếu là gãy”.

Hai là “Xưa v.v...” trở xuống là tìm nhân để suy nghiệm.

Ba là “Kinh v.v...” trở xuống là trích dẫn kinh làm bằng chứng: Kinh Hoa Nghiêm bản dịch xưa. Nói đủ là: “Tội sát sinh thường làm cho chúng sinh đọa vào ba đường ác. Sau khi sinh vào loài người thì bị hai quả báo:

Một là thường bị bệnh.

Hai là chết yếu”.

Luận Thập Địa nói: “Giết hại thì bị ba thứ quả báo: Một là quả Di thực: Đó là ba đường ác.

Kế là quả Đẳng lưu: Đó là Sinh lên cõi người thường bị bệnh, chết yếu.

Kế là quả Tăng thượng: Cảm ngoại vật phần nhiều thiếu tươi sáng; vì không dừng trụ lâu”.

Tiếp là “Nếu Tham v.v...” trở xuống là nói về quả báo của trộm cắp, gồm có:

Một là nhắc lại kinh để chỉ bày.

Hai là “Kinh v.v...” trở xuống là trích dẫn kinh để chứng minh “Trời Đồng sinh và Đồng danh”. Kinh Hoa Nghiêm ba mươi bảy quyển Đời Tấn dịch nói: “Như người từ lúc mới sinh ra đã có hai thứ trời thường theo hầu.

Một là Đồng sinh.

Hai là Đồng danh.

Trời thường thấy người nhưng người không thấy trời”.

Ba là “Lại nữa v.v...” trở xuống là dùng sự để khảo nghiệm: Do phá giới Cấm nên gây ra các điều bất thiện. Hai vị trời rồng ấy chắc chắn bỏ đi. Danh dự, lợi dưỡng do đó mà mất mát.

Kế là “Nếu quán v.v...” trở xuống là nói về quả báo của tâm dục, gồm có:

- Nhắc lại kinh để chỉ bày: “Thân thiết, nông hậu”: Tức sáu người gồm cha, mẹ, anh, em, vợ và con. Địa luận nói: “Dâm bị ba quả báo.

Một là quả Di thực: Tức là đọa vào ba đường ác.

Hai là quả Đẳng lưu: Bị sự tranh giành nhau của hai người vợ trong cõi người và vợ khác không trinh tiết, lương thiện.

Ba là quả Tăng thượng: thường dơ bẩn”. Nay nói Đấu tranh, kiện tụng là hợp với luận.

Kế là Dẫn kinh chứng minh: “Người che chở”: Nữ nhân ý chí yếu kém nên dựa vào ba sự che chở. Lúc nhỏ dại thì cha mẹ che chở. Làm dâu người thì mẹ chồng che chở, chồng chết thì con che chở. Sự che chở của pháp là nói về việc thọ năm giới, tám giới, v.v...

Kế là “Xưa v.v...” trở xuống là y theo lý để suy: “Thuở xưa, phá hủy pháp của người nghe”: Vì khiến cho người phạm giới.

Kế là “Mỗi một v.v...” là quả báo của nói dối, có hai:

Một là Nói về sự đơn giản của kinh: Theo thể lệ của ba thứ quả báo ở trên mà hợp lại có hai câu.

Hai là “Bên trong v.v...” trở xuống là y theo nghĩa để giải thích đầy đủ, có hai:

Một là trình bày văn đầy đủ: Vì đủ sự lạ thành đôi nên nói là “Một cặp”. Phần tức là nộ.

Hai là “Xưa v.v...” trở xuống là y theo Lý để suy luận. “Ngoài năm v.v...” trở xuống là nói về quả báo của rượu, có hai:

Một là y theo thông lệ thêm văn để trình bày.

Hai là “Xưa v.v...” trở xuống là suy nghiệm để chỉ rõ nhân quả, có hai:

Một chính là chỉ rõ. theo như lễ là lễ độ. Do say nên mê muội. Ngãi là ngu dốt.

Hai là Dẫn chứng: Cũng dùng kinh Hoa Nghiêm, do uống rượu nên sự chệch bại càng thêm. Vì thế, được lấy ra để dẫn chứng.

Kế là “Hỏi v.v...” trở xuống là y cứ rộng lớn về cả năm thừa để giải thích, có hai:

Một là y theo năm giới trái với kinh để hỏi: Vì danh từ năm giới xuất xứ từ Luật Tiểu thừa. Vì sao lại dùng làm pháp tương để giải thích vấn đề “Vua kinh” này?

Hai là “Đáp v.v...” trở xuống là y theo sự giữ giới của năm thừa để đáp tất cả hành pháp đều có cả Đại và Tiểu. Tùy theo trì giải của người mà Dụng có sâu cạn. Nay giải thích năm giới là pháp của năm thừa. Chia ra làm hai:

Một là đáp chung: Vì tên gọi năm giới nhập vào tất cả pháp. hoặc có khác ít hay nhiều thì cũng chỉ là sự mở ra và phối hợp. Hay “Đưa lên v.v...” trở xuống là chỉ riêng, có hai:

- Y theo nghĩa để giải thích, gồm có:

Một là dùng năm giới phối hợp với Pháp thể, thật sự có cạn sâu, gồm có:

- Nói về trời, người, có hai:

Một là Dẫn kinh: “Sự đại ky của trời đất”: Ky cũng là cấm, là giới. Năm ngôi sao là: Đông là Mộc tinh Tuế tinh; Nam là Hỏa tinh, Huỳnh hoặc, Tây Kim tinh Thái Bạch, Bắc là Thủy tinh Thần tinh. Trung ương là Thổ tinh Trấn tinh.

“Ngũ nhạc” là Đông nhạc-Thái sơn thuộc Duyên châu, Nam nhạc- Hành sơn thuộc Kinh châu; Tây nhạc-Hoa sơn thuộc Ung châu, bắc nhạc-Thường sơn thuộc Tịnh châu, Trung nhạc-Tung sơn thuộc Dự châu.

Ngũ tạng là Gan, Tim, Tỳ, Phổi và Thận. Lấy vì sao nhạc (núi) và Tạng cùng phối hợp trì với Ngũ hành. Chỉ lấy Ngũ hành đối với giới thì ba nghĩa tự sáng tỏ. Không sát sinh đối với Mộc, Mộc đứng đầu về sinh trưởng, nếu sát thì bất sinh, bất dâm đối với Hỏa. Hỏa đứng đầu về chiếu sáng, tà dâm thì tư riêng kín đáo. Không uống rượu đối với Thổ, Thổ thì trấn tĩnh còn say thì nghiêng lụy. Không ăn trộm đối với Kim. Kim là hình phạt, giết và trộm cắp thì bị hình phạt. Không nói dối đối với thủy. Tùy theo vật đựng tròn hay vuông để làm sáng tỏ sự không luống dối thì trái lại, phối với năm hành tức là đã phối với năm vì sao. Nhạc và tạng đứng đầu năm hành. Cho nên kinh nói năm nhạc là bởi người dịch y theo phương này để nhuận sắc. “Trái với trời v.v...”: Trên là đối với năm vì sao, nếu phạm thì trái với trời, dưới phối với năm nhạc, nếu phạm thì chạm đất. Giữa thành năm tạng, nếu phạm thì chạt thân.

Hai là “Lại đối v.v...” trở xuống là phối với Pháp, gồm có:

- Phối riêng, như sau:

- Giáo lý của Chu, Khổng, có hai:

Một là năm thường “Triệu sinh trưởng đoản kinh nói: “Lòng nhân là yêu thương. Bỏ hình phạt, dứt điều hại, gồm ái, không riêng tư gọi là lòng nhân. Nghĩa là nên Hiểu rõ đúng sai, lập được hay không gọi là nghĩa. Lễ là bước lên. Tiến lùi vừa chừng, tôn ti có phần, gọi là Lễ. Trí là điều được biết bởi người. Hình thức để biết về đúng sai, được mất gọi là Trí. Tín là cái được tiếp nhân của con người. Phát hiện, ban bố lệnh để làm lòng người quy về một mối gọi là Tín. Nay, lấy không giết đối với lòng nhân, giết hại là không có lòng kiêm ái. Không trộm cắp đối với Nghĩa, vì trộm cắp là làm điều không hợp lẽ. Không dâm đối với Lễ, vì tà dâm thì không phân biệt được cao thấp, trái với Lễ độ. Không uống rượu đối với trí, vì hôn mê, say sưa thì không thể định được đúng sai, được mất. Không nói dối đối lại với Tín, vì nói dối thì người khác không tin nhận. “Nếu dùng năm thường đối với năm hành”: Đặng



Khang thành chú lễ ký trong thiên Trung Dung có nói: “Mộc thần thì nhân, Kim thần thì Nghĩa, Hỏa thần thì Lễ, Thủy thần thì Tín, Thổ thần thì trí”. Trước đây lấy năm hành đối lại năm giới là vì nghĩa ấy. Vì vậy, lấy không uống rượu đối với Thổ, không nói đối đối Thủy.

Hai là đối với năm kinh: “Không sát là đối với thượng thư”: Thượng thư bị cắt đứt từ Đường ngu v.v... trở xuống là quý trọng từ nhượng mà khinh sự sát phạt. Vì phu tử cho rằng nhà Chu suy yếu, hiệu lệnh không được thi hành nên y theo sử nước Lỗ để sửa Xuân thu thay sự thưởng phạt. Khiến loạn thần, tặc tử sợ hãi. Vì vậy, Thượng thư đối với giới không trộm cắp. Lễ có năm, Chu lễ là Chức của Đại tông bá, nói rằng: “Dùng cát thờ phụng quỷ thần, Thần đất của đất nước (Sự là cúng Tế). Dùng hung lo cho mối lo của đất nước (thường tức là Cửu hoạn nạn và tai ương). Dùng lễ khách thân với đất nước (Thân là khiến cho dân gần gũi). Dùng lễ của quân đội để đồng với đất nước (Đồng là nói sự hoàn thành với người không hiệp lực và lẩn lớt). Dùng lễ vui gần gũi với muôn dân (Vui tức là thiện). Do điều lành của lòng người làm quy chế). Tà dâm là không dùng lễ để giao tiếp. Cho nên dùng lễ tốt đẹp để răn cấm tà dâm. “Thi”: Thiện thì ca tụng, ác thì dứt bỏ. Đó là không nói dối. “Dịch” là sách của cùng lý tận tánh, là lời dạy thanh sạch tinh vi. Kẻ uống rượu hôn mê, loạn động thì lễ nào cùng lý tận tánh của mình được.

Kế là “Lại đối với mười v.v....” trở xuống là pháp của Luân vương, có ba:

Một là khai thành văn đối với mười tướng.

Hai là “Tục v.v...” trở xuống là nói rõ hợp bầy thành hai ý: “Tục không thể giữ gìn miệng”. Vì năm giới là chế cho người tại gia. Miệng chia ra làm bốn lối nên sự người tục giữ gìn thành khó. Vì vậy chỉ chế thành một. “Uống rượu là tà mạng tự nuôi sống”. Lấy rượu nuôi thân thể không vâng theo chánh giới gọi là tà mạng.

Ba là “Là làm v.v...” trở xuống là kết pháp. Từ người để đặt tên. Tuy năm giới là giới do Như Lai chế nhưng đã đối với mười điều lành thì lại từ hữu lậu mà xếp vào pháp xưa. Vì thế, năm giới thuộc Luân vương. “Cũng gọi là Tánh tội tánh thiện”. Vì tự thân của pháp tánh thuộc về mười điều ác là tội, tự thân pháp tánh mười điều lành là thiện. Vì vậy, Luân vương thuận theo tánh thế tục mà nói về Thiện ác này để giáo hóa chúng sinh.

Kế là “Đầu v.v...” trở xuống là kết sự chỉ bày: điều lành thế gian không thoát khỏi luân hồi. Đầu sinh vào cõi người, cõi trời đi nữa rồi

cũng lại khởi nghiệp ác. Thiện còn như vậy, hướng chi là bất thiện ư?. Vì vậy, Tiên sư nói: “Đều là tất cả gốc tội”.

Kế là “Lại nữa, năm v.v...” trở xuống là nói về Nhị thừa, có hai:

Một là Đối với năm ấm là cảnh của niệm xứ: Nếu không sát sinh thì sắc thân đầy đủ, không trộm cắp thì không sinh ra khổ thọ, không dâm dục thì niệm tưởng tà vọng không khởi, không nói dối thì sự thay đổi thuận là thật, không uống rượu thì hoàn toàn sáng suốt. Thiện ấm này lẽ nào chỉ là cảnh? Thật ra nó còn ba nguồn cả niệm tuệ nữa. Cho nên có thể mở ra bốn Niệm xứ từ ấm. Nghĩa là, sắc ấm là thân niệm xứ, thọ ấm là thọ niệm xứ, tưởng và hành ấm là pháp niệm xứ, thức ấm là Tâm niệm xứ.

Hai là “Niệm v.v...” trở xuống là từ niệm xứ mà có đủ hai thứ giải thoát thuộc Đạo phẩm. Trong bốn Niệm xứ của Đại luận thì bốn thứ tinh tấn gọi là Chánh cần, bốn thứ định tâm gọi là bốn Như ý túc, năm thiện căn sinh gọi là Căn, căn thêm lớn gọi là Lực, Phân biệt bốn thứ xứ, đạo, dụng gọi là Giác, bốn Niệm xứ an ổn ở trong Đạo mà thực hành gọi là Chánh đạo.

Tiếp là mười bảy phẩm như con đường bằng phẳng, không, vô tướng, vô tác như ba cửa của ngôi Thành. Niết-bàn như ngôi thành.

Tiếp là “Vì vậy nói rằng v.v...” trở xuống là trình bày về việc chuyển năm ấm thành năm phần pháp thân: Vì giới cấm ngừa lỗi thân và miệng nên nói rằng: “Sắc có khả năng phát giới? Vì thiên là chánh thọ nên nói rằng: “Thọ thọ thiên định”. Vì giả tưởng Liễu ngộ thân là không nên nói “Tuệ thuộc về tưởng ngộ luống dối”. Trong văn thừa chữ chung. Các đoạn văn trích dẫn đều không có chữ chung. Tiến lùi không biếng nhác thì đến quả thánh. Vì vậy, Tiên sư nói “Hạnh phát sự giải thoát”. Tự biết sự chứng đắc của mình gọi là tri kiến giải thoát. Đó tức là chuyển năm ấm thành năm phần pháp thân. Bốn “Đương v.v...” trở xuống là kết năm giới làm pháp của Nhị thừa.

Kế là “Lại nữa, năm v.v...” trở xuống là nói về Đại thừa, gồm có:

Một là Nêu bày chung.

Hai là “Nêu lên, rằng v.v...” trở xuống chính là phối trí pháp môn, gồm có:

Một là y theo kinh để phối hợp với bốn Đức: Vì hành giả Đại thừa biết rõ rằng thể của năm giới là tâm tánh, dầu là thọ hay trì cũng đều thuận với tánh. Vì tánh có đủ bốn đức nên năm giới đều là Thường, Lạc, Ngã và Tịnh. Đó là đối chung. Cũng có thể lấy năm biệt đối với bốn

đức. Tâm và tánh của chúng sinh chẳng sinh diệt. Vì vậy, thuận với tánh mà giữ giới Bất sát. Là mang cái ấn sống lâu không chết. Đó là đức của thường. Tâm và tánh của chúng sinh không dâm loạn. Vì vậy, thuận với bản tánh mà giữ giới bất dâm gọi là ra vào không loạn. Tâm và chúng sinh niệm niệm chân thật, không có khoảnh khắc luống dối. Vì vậy, thuận theo tánh mà giữ giới không luống dối gọi là qua lại không ngừng. Hai giới này đối với đức thuộc về Tịnh. Tánh của tâm và chúng sinh không lẫn lộn. Vì vậy, thuận với Tánh của trì giới không uống rượu gọi là làm chủ một thân. Đây là đức của Ngã. Tâm và tánh của chúng sinh tức là Bồ-đề lìa khổ tham cầu. Vì vậy, thuận với bản tánh mà giữ giới trộm cắp gọi là lập ra gốc của đạo. Tức là đức của lạc.

Kế là “thức lại v.v...” trở xuống là y theo sự để đối với ba nghiệp. “Không sát, đạo, dâm là thân nghiệp. Không nói dối là khẩu nghiệp, không uống rượu là ý nghiệp. Vì trì giới thuận với tánh nên lập giới là nhân thành ba nghiệp của Phật. Thân, miệng và ý của Phật tùy trí tuệ mà vận hành nên không có sự sai lầm, được gọi là ba thứ không sai lầm. Vì không sai nên không cần phải giữ gìn; gọi là ba việc không hộ phòng. Sự hiện hóa của thân nghiệp gọi là thần thông luân. Sự nói pháp của khẩu nghiệp gọi là Chánh giáo luân. Sự quán sát căn cơ của ý nghiệp gọi là Ký tâm luân. Cả ba luân ấy đều xô dẹp, nghiền nát hoặc nghiệp của chúng sinh. Vì người ở địa dưới không so lường được nên gọi là ba mật.

Kế là ba quy tắc v.v...” trở xuống là y theo Lý để đối với ba pháp: năm giới tức là Lý, một chỉ, một tác đều khế hợp với ba pháp tướng Viên Dung. Nếu muốn đối riêng thì Lý cũng thành tựu. Không giết chúng sinh thuận với Lý thường trụ, tức là quy tắc của Chân tánh. Không dâm dục thì tâm thanh tịnh, không uống rượu thì tuệ sáng; cả hai là quy tắc của quán chiếu. Không nói dối thì làm sinh khởi sự tin thuận của người khác, không trộm cắp thì toàn vẹn tài sản của người; cả hai tức là quy tắc của thành tựu tài sản. Đã chính là ba quy tắc thì năm giới khế hợp với tất cả ba pháp tướng. Vì vậy, chúng ta biết rằng năm giới nhiếp pháp không sót.

Kế là “Ngang Dọc v.v...” trở xuống là nêu rộng để kết thúc làm sáng tỏ.

